|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Tìm ý sai trong quá trình chuyển hoá vitamin D của cơ thể |
|  | Vitamin D được protêin huyết tương vận chuyển và tập trung ở gan. |
|  | Ở gan vitamin D được chuyển thành 25OHD2  hoặc 25OHD3 |
|  | Chất 25OHD2  hoặc 25OHD3 trở lại máu và được vận chuyển đến thận. |
| \* | Ở thận được chuyển thành 25(OH )3D2  hoặc 25(OH)3D3 |
| End |  |
| 002 | Tìm ý **không phù hợp** với vai trò sinh lý của vitamin D trong cơ thể: |
|  | Vitamin D tạo điều kiện thuận lợi cho việc hấp thu canxi ở ruột. |
|  | Vitamin D ức chế hấp thu phosphat ở thận. |
|  | Vitamin D kích thích việc vận chuyển Canxi đến gắn vào xương |
| \* | Vitamin D ngay sau khi hấp thu vào cơ thể đã tác dụng ngay lên quá trình hấp thu và vận chuyển canxi. |
| End |  |
| 003 | Trong bệnh còi xương tình trạng cường năng tuyến cận giáp sẽ dẫn tới việc |
| \* | Tăng tái hấp thu photphat ở thận. |
|  | Phot pho máu giảm. |
|  | Huy động canxi ở xương vào máu. |
|  | Các dấu hiệu rối loạn chức năng của hệ thần kinh. |
| End |  |
| 004 | Bệnh còi xương hay xảy ra ở lứa tuổi: |
| \* | < 1 tuổi. |
|  | 1-2 tuổi |
|  | 2-3 tuổi |
|  | >3 tuổi |
| End |  |
| 005 | Bệnh còi xương do thiếu vitamin D thường hay gặp nhất vào: |
|  | Mùa xuân. |
|  | Mùa hè. |
|  | Mùa thu. |
| \* | Mùa đông. |
| End |  |
| 006 | Nguyên nhân chủ yếu nhất gây bệnh còi xương ở trẻ nhỏ là: |
|  | Thiếu Canxi trong khẩu phần ăn. |
|  | Thiếu Protein trong khẩu phần ăn. |
| \* | Thiếu Vitamin D. |
|  | Trẻ mắc tiêu chảy kéo dài. |
| End |  |
| 007 | Nguồn cung cấp vitamin D cho cơ thể chủ yếu từ: |
|  | Thức ăn động vật. |
|  | Ngũ cốc. |
|  | Rau. |
| \* | Nội sinh. |
| End |  |
| 008 | Vitamin D được tổng hợp từ chất nào ở dưới da: |
|  | Lipoprotêin. |
|  | Triglycerit. |
|  | Phospholipit. |
| \* | 7-Dehydrocholesteron. |
| End |  |
| 009 | Tìm ý **không phù hợp** với nguyên nhân ăn uống dẫn tới bệnh còi xương |
|  | Trẻ ăn sữa mẹ ít bị còi xương hơn sữa bò. |
| \* | Trẻ bú mẹ dễ mắc còi xương vì khả năng hấp thu canxi trong sữa mẹ kém hơn sữa bò. |
|  | Trẻ ăn bột nhiều dễ mắc bệnh còi xương. |
|  | Trong bột có chất ức chế hấp thu canxi. |
| End |  |
| 010 | Tìm ý không phù hợp với nguyên nhân thiếu ánh sáng gây bệnh còi xương: |
|  | Nhà ở chật chội, thiếu ánh sáng. |
|  | Mặc quá nhiều quần áo. |
| \* | Những nước nhiều xương mù, ít sáng tỉ lệ trẻ mắc bệnh còi xương thấp. |
|  | Tập quán giữ trẻ trong nhà, không cho tiếp xúc với ánh sáng. |
| End |  |
| 011 | **Tìm ý sai** trong nguyên nhân gây còi xương ở trẻ đẻ non. |
|  | Trẻ đẻ non tích luỹ được ít muối khoáng. |
|  | Trẻ đẻ non tích luỹ được ít vitamin D |
| \* | Trẻ đẻ non có tốc độ phát triển chậm nên nhu cầu vitaminD và canxi thấp. |
|  | Hệ thống men tham gia vào chuyển hoá vitaminD còn yếu. |
| End |  |
| 012 | Dị tật bẩm sinh nào hay gây bệnh còi xương ở trẻ em nhất: |
|  | Tuổi bị tim bẩm sinh. |
|  | Trẻ bị sứt môi hở hàm ếch. |
|  | Trẻ bị thận đa nang. |
| \* | Trẻ bị tắc mật bẩm sinh. |
| End |  |
| 013 | Biểu hiện sớm nhất của bệnh còi xương ở: |
|  | Hệ xương. |
|  | Hệ cơ |
|  | Dây chằng. |
| \* | Hệ thần kinh. |
| End |  |
| 014 | Tìm ý **không phù hợp** với biểu hiện thần kinh trong bệnh còi xương: |
|  | Trẻ hay quấy khóc |
|  | Hay giật mình sợ hãi. |
|  | Ngủ không yên giấc. |
| \* | Tình trạng thần kinh bị ức chế. |
| End |  |
| 015 | Tìm ý **không phù hợp** với đặc điểm của thóp trong bệnh còi xương. |
|  | Thóp rộng. |
|  | Bờ thóp mềm. |
| \* | Thóp phồng. |
|  | Thóp chậm liền. |
| End |  |
| 016 | Tìm ý **không phù hợp** với dấu hiệu Craniotabez trong bệnh còi xương: |
| \* | Ấn nhẹ đầu ngón tay vào đường khớp thấy lõm xuống. |
|  | Khi rút ngón tay ra xương trở lại như cũ. |
|  | Dấu hiệu này có giá trị ở trẻ dưới 3 tháng. |
|  | Giống như khi ấn ngón tay vào quả bóng bàn. |
| End |  |
| 017 | Tìm ý **không phù hợp** với biến đổi xương hàm trong bệnh còi xương: |
| \* | Xương hàm dưới phát triển nhanh. |
|  | Xương hàm trên úp quá mức. |
|  | Vòm miệng bẹt hơn. |
|  | Vòm miệng sâu hơn. |
| End |  |
| 018 | Tìm ý **không phù hợp** với đặc điểm chuỗi hạt sườn trong bệnh còi xương. |
| \* | Do phần xương phì đại thành hình tròn. |
|  | Thường sờ thấy ở phía trước lồng ngực. |
|  | Có thể nhìn thấy ở phía trước lồng ngực. |
|  | Có thể có nhiều hạt ở mỗi bên. |
| End |  |
| 019 | Biểu hiện thường gặp nhất ở xương chi trong bệnh còi xương là: |
|  | Cong xương. |
|  | Gẫy xương. |
| \* | Vòng cổ tay, cổ chân. |
|  | Xương chậm phát triển. |
| End |  |
| 020 | Tìm biểu hiện **không phù hợp** với biến đổi ở hệ cơ và dây chằng trong bệnh còi xương: |
| \* | Tăng trương lực cơ. |
|  | Các dây chằng lỏng lẻo. |
|  | Trẻ chậm phát triển về vận động. |
|  | Trẻ hay bị chuột rút. |
| End |  |
| 021 | Tìm ý **không phù hợp** với biểu hiện của hội chứng Vonjack Hayem Luzet: |
|  | Còi xương nặng. |
|  | Thiếu máu. |
| \* | Gan lách bình thường. |
|  | Xuất huyết dưới da. |
| End |  |
| 022 | Còi xương thứ phát thường gặp nhất trong bệnh nào dưới đây. |
|  | Đái tháo đường. |
|  | Đái tháo nhạt. |
| \* | Bệnh ống thận mạn. |
|  | Hội chứng thận hư bẩm sinh. |
| End |  |
| 023 | Còi xương thứ phát thường gặp nhất trong bệnh nào dưới đây. |
|  | Ỉa chảy cấp |
|  | Viêm phổi kéo dài. |
| \* | Tắc mật bẩm sinh. |
|  | Nhiễm khuẩn tiết niệu. |
| End |  |
| 024 | Tìm ý **không phù hợp** với biến đổi trên phim chụp Xquang xương chi trong bệnh còi xương: |
|  | Đầu xương bè ra. |
|  | Đường cốt hoá nham nhở. |
| \* | Đường cốt hoá lồi lên. |
|  | Thân xương có biểu hiện loãng xương. |
| End |  |
| 025 | Tìm ý **không phù hợp** với biến đổi sinh học trong bệnh còi xương: |
|  | Canxi máu giảm hoặc bình thường. |
|  | Photpho máu bình thường hoặc giảm. |
| \* | Phosphataza kiềm giảm. |
|  | Nhiễm toan máu nhẹ. |
| End |  |
| 026 | Trong bệnh còi xương xét nghiệm Phosphataza kiềm thường tăng trên: |
|  | 200 đv |
|  | 300 đv |
| \* | 400 đv |
|  | 500 đv |
| End |  |
| 027 | Tìm ý **không phù hợp** với biến đổi nước tiểu trong bệnh còi xương: |
| \* | Canxi niệu tăng. |
|  | Phospho niệu tăng. |
|  | Acid amin niệu tăng |
|  | Citrat niệu giảm. |
| End |  |
| 028 | Liều lượng trung bình của vitamin D trong điều trị bệnh còi xương khi bố mẹ bệnh nhi thực hiện y lệnh nghiêm túc là: |
|  | 2000đv/ngày |
| \* | 4000đv/ngày |
|  | 6000đv/ngày |
|  | 8000đv/ngày |
| End |  |
| 029 | Trong điều trị bệnh còi xương khi bố mẹ không thực hiện y lệnh một cách nghiêm túc thì có thể dùng vitamin D với 1 liều duy nhất là: |
|  | 1 mg |
| \* | 5 mg |
|  | 10 mg |
|  | 15 mg |
| End |  |
| 030 | Tìm ý **không phù hợp** với biểu hiện hồi phục trong quá trình điều trị bệnh còi xương: |
|  | Photpho máu trở về bình thường sau 1-2 ngày. |
|  | Canxi máu trở về bình thường. |
|  | Photphataza kiềm về bình thường sau một vài tháng. |
| \* | Chụp Xquang xương dài thấy đường cốt hoá nham nhở, lõm xuống. |
| End |  |
| 031 | Để phòng bệnh còi xương cho trẻ, đối với mẹ nên cho uống vitamin D ở quý cuối cùng với liều: |
|  | 100-120đv/ngày |
| \* | 1000-1200đv/ngày |
|  | 10000-12000đv/ngày |
|  | 100000-120000đv/ngày |
| End |  |
| 032 | Để phòng bệnh còi xương cho trẻ, nếu mẹ không có điều kiện tiếp xúc với ánh sáng mặt trời nên cho mẹ uống vitamin D với liều 100.000-200000đv vào tháng thứ: |
|  | Tháng thứ 4 |
|  | Tháng thứ 5 |
|  | Tháng thứ 6 |
| \* | Tháng thứ 7 |
| End |  |
| 033 | Để phòng bệnh còi xương, nên cho trẻ em uống vitamin D liều dự phòng kéo dài đến tuổi: |
|  | 2 tháng tuổi. |
|  | 6 tháng tuổi. |
| \* | 18 tháng tuổi. |
|  | 3 tuổi. |
| End |  |
| 034 | Tìm **ý không phù hợp** trong các biện pháp phòng bệnh còi xương ở trẻ em: |
|  | Bảo đảm cho trẻ bú sữa mẹ |
|  | Sớm cho trẻ ra ngoài trời |
| \* | Cho trẻ ăn thêm sữa bò vì trong sữa bò hàm lượng Canxi cao |
|  | Cho trẻ uống phòng bằng Vitamin D 400 đv/ngày trong suốt năm đầu |
| End |  |